

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 456/TTr-SYT ngày 01 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung trong phòng bệnh và khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế thuộc tỉnh Tuyên Quang, bao gồm:

1. Danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương gồm 123 mặt hàng được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục thuốc bổ sung do cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đề xuất (trừ thuốc thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia và thuốc thuộc danh mục được áp dụng hình thức đàm phán giá) được Sở Y tế rà soát, tổng hợp, quyết định lựa chọn.

Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện ban hành quyết định bổ sung vào danh mục thuốc mua sắm tập trung cấp địa phương các mặt hàng thuốc không thuộc danh mục tại khoản 1 Điều này và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với việc bổ sung thuốc.

Thời hạn uỷ quyền: kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/12/2031.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai thực hiện mua sắm tập trung đối với các thuốc quy định tại Điều 1 Quyết định này, bảo đảm đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang, Kho bạc nhà nước khu vực VIII theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra giám sát Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện mua sắm tập trung đối với thuốc theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành danh mục mua sắm tập trung đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành danh mục thuốc mua sắm tập trung và giao thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung thuốc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Như Điều 2 (Thực hiện);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH (Thạch).

(Báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vương Ngọc Hà

Phụ lục**DANH MỤC THUỐC MUA SẴM TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
1	Acarbose	50mg	Uống	Viên
2	Acetyl cystein	200mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
3	Aciclovir	800mg	Uống	Viên
4	Acid Tranexamic	10% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
5	Acid Tranexamic	5% x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
6	Adrenalin	1mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
7	Albendazol	400mg	Uống	Viên
8	Albumin	20% x 50ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
9	Allopurinol	300mg	Uống	Viên
10	Alverin	40mg	Uống	Viên
11	Amikacin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
12	Amiodaron	200mg	Uống	Viên
13	Amoxicillin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Gói
14	Amoxicilin	500mg	Uống	Viên
15	Amoxicilin	250mg	Uống	Viên
16	Amphotericin B	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
17	Ampicilin	1g	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
18	Atenolol	50mg	Uống	Viên
19	Azithromycin	500mg	Uống	Viên
20	Azithromycin	200mg/5ml	Uống	Chai/Lọ/Ống
21	Bromhexin	8mg	Uống	Viên
22	Bupivacain	0,5% x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
23	Bupivacain	0,5% x 20ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
24	Captopril	25mg	Uống	Viên
25	Carbimazol	5mg	Uống	Viên
26	Carboplatin	150mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
27	Cefixim	200mg	Uống	Viên
28	Cefixim	100mg	Uống	Viên
29	Ciclosporin	25mg	Uống	Viên
30	Cimetidin	200mg	Uống	Viên
31	Cimetidin	400mg	Uống	Viên
32	Ciprofloxacin	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
33	Ciprofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
34	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên
35	Clindamycin	150mg/ml x 4ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
36	Clindamycin	150mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
37	Clindamycin	300mg	Uống	Viên
38	Clindamycin	150mg	Uống	Viên
39	Clotrimazol	1%	Dùng ngoài	Tuýp
40	Diclofenac	50mg	Uống	Viên
41	Diclofenac	75mg	Uống	Viên
42	Dobutamin	250mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
43	Dopamin hydroclorid	40mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
44	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên
45	Enalapril	5mg	Uống	Viên
46	Enalapril	10mg	Uống	Viên
47	Etoposid	100mg	Uống	Viên
48	Famotidin	40mg	Uống	Viên
49	Fenofibrat	300mg	Uống	Viên
50	Fenofibrat	100mg	Uống	Viên
51	Fluconazol	150mg	Uống	Viên
52	Fluconazol	2mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
53	Fluorouracil	50mg/ml x 5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
54	Fluorouracil	50mg/ml x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
55	Furosemid	10mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
56	Furosemid	40mg	Uống	Viên
57	Gentamicin	40mg/ml x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
58	Glibenclamid	5mg	Uống	Viên
59	Gliclazid	30mg	Uống	Viên
60	Gliclazid	80mg	Uống	Viên
61	Heparin natri	25.000IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
62	Hydrocortison	100mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
63	Hyoscin butylbromid	20mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
64	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên
65	Ibuprofen	400mg	Uống	Viên
66	Ibuprofen	200mg	Uống	Viên
67	Isosorbid	60mg	Uống	Viên
68	Ketoconazol	2% x 5g	Dùng ngoài	Tuýp
69	Ketoconazol	2% x 10g	Dùng ngoài	Tuýp
70	Lactulose	10g/15ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi
71	Levofloxacin	250mg	Uống	Viên
72	Lidocain	2% x 2ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
73	Lidocain	2% x 10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
74	Loperamid	2mg	Uống	Viên
75	Loratadin	10mg	Uống	Viên
76	Mebendazol	500mg	Uống	Viên
77	Meloxicam	10mg/ml x 1,5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
78	Metformin hydroclorid	850mg	Uống	Viên
79	Methotrexat	50mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
80	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên
81	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
82	Methyl prednisolon	4mg	Uống	Viên
83	Methyldopa	250mg	Uống	Viên
84	Methylergometrin maleat	0,2mg/ml x 1ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
85	Metronidazol	5mg/ml x 100ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
86	Metronidazol	250mg	Uống	Viên
87	Misoprostol	200mg	Uống	Viên
88	Nifedipin	20mg	Uống	Viên
89	Nifedipin	10mg	Uống	Viên
90	Nước cất	5ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
91	Nước cất	10ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
92	Ofloxacin	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt, tai	Chai/Lọ/Ống
93	Ondansetron	2mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
94	Oxytocin	5IU	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
95	Paracetamol	80mg	Uống	Gói
96	Paracetamol	150mg	Uống	Gói
97	Paracetamol	250mg	Uống	Gói
98	Paracetamol	500mg	Uống	Viên
99	Paracetamol	650mg	Uống	Viên
100	Piroxicam	20mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
101	Piroxicam	20mg	Uống	Viên
102	Povidon iod	10% x 20ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
103	Povidon iod	10% x 100ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
104	Povidon iod	10% x 125ml	Dùng ngoài	Chai/Lọ/Túi
105	Prednisolon	5mg	Uống	Viên
106	Propylthiouracil	50mg	Uống	Viên
107	Ranitidin	300mg	Uống	Viên
108	Ranitidin	150mg	Uống	Viên
109	Ribavirin	400mg	Uống	Viên
110	Risperidon	2mg	Uống	Viên

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ/ Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính
111	Salbutamol	0,5mg/ml	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống
112	Salbutamol	2mg	Uống	Viên
113	Simvastatin	20mg	Uống	Viên
114	Simvastatin	10mg	Uống	Viên
115	Spironolacton	25mg	Uống	Viên
116	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên
117	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	(40mg + 8mg)/ml	Uống	Chai/Lọ/Ống/Túi/Gói
118	Sulpirid	50mg	Uống	Viên
119	Tamoxifen	10mg	Uống	Viên
120	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên
121	Vancomycin	500mg	Tiêm/truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
122	Xylometazolin	0,1% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống
123	Xylometazolin	0,05% x 10ml	Nhỏ mũi	Chai/Lọ/Ống